

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK TÔ
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27-6-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK TÔ, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh Hải và bà Y Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc.

Ngày 27/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2024//TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1966;

- Bị đơn: Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Trần Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi kết hôn ngày 28/4/1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, cuộc sống hạnh phúc khoảng được 1 năm, có với nhau 02 con chung. Thời gian còn lại ông Đ thường xuyên uống rượu, đánh đập tôi, còn lên tận trường thời tôi còn công tác đánh đập tôi trước mặt đồng nghiệp. Tôi đã nhiều lần nộp đơn ly hôn, nhưng rút lại để cho ông Đ cơ hội nhưng ông Đ vẫn không thay đổi.

Hiện tại, tôi thấy vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Lê Hữu A, sinh ngày 08/10/1988 và Lê Hữu Á, sinh ngày 27/02/2001. Hiện tại, các con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về án phí: Tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

** Tại bản tự khai đề ngày 24/5/2024, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn: Ông Lê Hữu Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 1988. Cuộc sống chung của vợ chồng tôi có xảy ra những mâu thuẫn, có những lúc tôi có đánh đập vợ tôi. Nhưng đến thời điểm hiện tại, tôi vẫn còn yêu thương vợ con và tôi không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Phần trình bày của bà L về con chung là đúng. Tôi không có ý kiến gì khác.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

1. Về việc thực hiện thủ tục Tố tụng của Tòa án và các đương sự:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào ý kiến của bà L, ông Đ và kết quả xác minh của Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô thấy rằng, bà L và ông Đ thực tế có mâu thuẫn trong quá trình chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L.

- Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Trần Thị L được ly hôn với ông Lê Hữu Đ.

Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn khởi kiện của bà Trần Thị L đề ngày 26/4/2024 yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Lê Hữu Đ, trú tại khối I, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị L và ông Lê Hữu Đ có đăng ký kết hôn ngày 28/4/1988 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, thị xã A, tỉnh Gia Lai nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Các bên thừa nhận, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận được một thời gian, có với nhau 02 con chung. Sau đó, vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông Đ hay uống rượu say xỉn, đánh đập bà L. Biên bản xác minh tại nơi cư trú ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô thể hiện mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là có thật. Hiện tại, bà L đã bỏ đi sống ở nơi khác, vợ chồng ly thân.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy xử cho bà L được ly hôn với ông Đ.

[2.2] Về con chung:

Các bên đương sự đều thống nhất có 02 con chung là Lê Hữu A, sinh ngày 08/10/1988 và Lê Hữu Á, sinh ngày 27/02/2001. Hiện tại, các con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung:

Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị L được ly hôn với ông Lê Hữu Đ.

2. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0001606 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum. Bà Trần Thị L đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/6/2024).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Tô;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA dân sự huyện Đăk Tô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Minh Huy